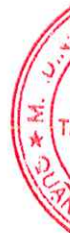


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi:
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 – 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	08 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 – 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	15 – 86

AN T



EOC
GROUP

0313

050
C

DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ K
PH
1-7

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận thêm 1.194.200 cổ phần, thời gian thực hiện đến hết ngày 29/01/2024. Số cổ phần Công ty nắm giữ sau khi kết thúc giao dịch là 16.622.546 cổ phần.

Theo nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1). Ngày 12 tháng 03 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc góp vốn với tỷ lệ 55% vào Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, qua đó Công ty nắm giữ 85% tỷ lệ sở hữu (55% tỷ lệ trực tiếp, 30% tỷ lệ gián tiếp) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch
	(từ ngày 20/06/2023)
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập
	(từ ngày 20/06/2023)
Nguyễn Văn Hải	Thành Viên
	(đến ngày 20/06/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ngọ Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 20/02/2023)
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 30/05/2023)
Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 20/02/2023)
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 11/04/2023)
Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 29/09/2023)
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 21/12/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng	Trưởng ban
Lê Việt Anh	Trưởng ban (đến ngày 01/06/2022)
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (đến ngày 30/11/2023)
Phạm Văn Hùng	Thành viên
Hồ Thị Hương	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/06/2023)
Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (đến ngày 20/02/2023)

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện
(từ ngày 01/03/2023)
Lê Việt Anh
(đến ngày 01/03/2023)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường

Số: 207.../BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 86, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc



Lê Văn Tuấn

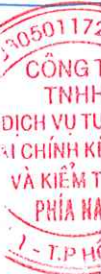
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

A blue handwritten signature of Lê Văn Tân.

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
4318-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.391.259.597.896	4.702.855.346.714
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.513.406.306.325	828.968.437.046
111	Tiền		512.403.317.564	105.488.986.490
112	Các khoản tương đương tiền		1.001.002.988.761	723.479.450.556
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		488.655.245.726	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	488.655.245.726	
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.763.356.647.750	3.297.744.709.348
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.547.548.881.468	1.032.644.997.245
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	1.003.372.199.468	469.463.395.355
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	500.794.213.923	1.055.884.539.969
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06	711.641.352.891	739.751.776.779
140	Hàng tồn kho	V.07	544.595.261.916	508.999.387.422
141	Hàng tồn kho		544.595.261.916	508.999.387.422
150	Tài sản ngắn hạn khác		81.246.136.179	67.142.812.898
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.08	10.063.167.357	7.994.973.975
152	Thuế GTGT được khấu trừ		32.310.408.541	44.480.502.776
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	38.872.560.281	14.667.336.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.956.729.555.286	2.988.716.838.720
210	Các khoản phải thu dài hạn		325.219.073.660	496.421.345.449
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	305.885.485.018	476.007.345.905
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	19.333.588.642	20.413.999.544
220	Tài sản cố định		704.201.742.646	510.889.965.569
221	Tài sản cố định hữu hình	V.09	594.014.231.870	404.431.801.801
222	Nguyên giá		753.949.884.531	545.996.783.980
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(159.935.652.661)	(141.564.982.179)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	107.685.907.950	106.458.163.768
225	Nguyên giá		127.339.268.629	108.585.938.609
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.653.360.679)	(2.127.774.841)
227	Tài sản cố định vô hình	V.11	2.501.602.826	-
228	Nguyên giá		4.181.700.000	1.626.200.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.680.097.174)	(1.626.200.000)
230	Bất động sản đầu tư	V.12	168.919.895.112	172.932.295.252
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.843.698.902)	(23.831.298.762)
240	Tài sản dở dang dài hạn		25.764.299.297	20.375.984.480
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	25.764.299.297	20.375.984.480
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.699.116.032.291	1.766.871.352.779
251	Đầu tư vào công ty con	V.02	1.948.832.572.291	1.476.881.352.779
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	578.500.000.000	265.490.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02	159.783.460.000	4.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	12.000.000.000	20.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		33.508.512.280	21.225.895.191
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.08	33.508.512.280	21.225.895.191
270	TỔNG TÀI SẢN		10.347.989.153.182	7.691.572.185.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		5.811.470.916.138	2.939.886.746.939
310	Nợ ngắn hạn		2.083.057.097.789	1.162.354.238.837
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	867.385.605.965	516.206.067.428
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	3.683.035.714	5.805.753.169
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	42.134.438.440	26.573.574.414
314	Phải trả người lao động		38.647.606.489	31.408.778.070
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	45.542.527.967	53.856.995.098
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	2.224.080.258	1.379.172.849
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.18	257.018.759.970	166.765.112.400
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	826.358.114.738	359.158.785.409
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		62.928.248	1.200.000.000
330	Nợ dài hạn		3.728.413.818.349	1.777.532.508.102
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	3.441.051.728.159	1.079.179.392.620
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	1.379.172.849	2.758.345.698
337	Phải trả dài hạn khác	V.18	30.446.000.000	251.976.970.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20	255.536.917.341	443.617.799.784



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	4.536.518.237.044	4.751.685.438.495
410	Vốn chủ sở hữu		4.536.518.237.044	4.751.685.438.495
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		12.706.265.055	11.820.503.474
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		313.084.463.147	529.137.426.179
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		148.779.359.517	440.561.268.128
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		164.305.103.630	88.576.158.051
440	TỔNG NGUỒN VỐN		10.347.989.153.182	7.691.572.185.434

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.105.518.362.780	2.286.714.913.084
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.105.518.362.780	2.286.714.913.084
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.920.072.198.566	2.111.922.081.342
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.446.164.214	174.792.831.742
21	Doanh thu hoạt động tài chính	237.330.037.922	158.437.867.229
22	Chi phí tài chính	100.591.753.634	48.317.234.676
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	67.727.618.939	46.917.234.679
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	175.912.744.253	175.109.258.248
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	146.271.704.249	109.804.206.047
31	Thu nhập khác	52.834.180.277	5.751.976.285
32	Chi phí khác	3.848.672.465	309.659.847
40	Lợi nhuận khác	48.985.507.812	5.442.316.438
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	195.257.212.061	115.246.522.485
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30.952.108.431	26.670.364.434
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	164.305.103.630	88.576.158.051

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	195.257.212.061	115.246.522.485
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	103.301.426.187	63.724.202.044
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(217.120.632.992)	(158.178.877.331)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	69.254.891.663	47.413.768.353
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	150.692.896.919	68.205.615.551
09	Tăng các khoản phải thu	(1.205.273.902.556)	(447.117.429.109)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(35.595.874.494)	32.577.111.093
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	2.537.842.962.474	(75.350.820.063)
12	Tăng chi phí trả trước	(14.350.810.471)	(27.906.574.031)
14	Tiền lãi vay đã trả	(83.641.497.256)	(50.753.254.520)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(26.783.505.958)	(12.520.341.342)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.322.890.268.658	(512.865.692.421)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(334.173.081.653)	(411.614.109.717)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	100.138.965.090	31.102.787.291
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(750.659.489.285)	(2.112.554.074.924)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.011.518.926.656	1.509.624.067.047
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(780.168.360.000)	(298.640.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77.400.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	136.958.736.427	53.467.879.803
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(538.984.302.765)	(1.228.613.450.500)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	971.813.056.000
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(201.167.000)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	806.565.968.967	756.585.227.886
34	Chi trả nợ gốc vay	(503.959.949.103)	(340.209.319.836)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(23.487.572.978)	(36.486.895.753)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(378.586.543.500)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(99.468.096.614)	1.351.500.901.297
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	684.437.869.279	(389.978.241.624)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.01 828.968.437.046	1.218.946.678.670
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.01 1.513.406.306.325	828.968.437.046

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa



An Văn Thiện



Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1.940 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 1.166 nhân viên)**

6 Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	21,29%	34,82%	21,34%	34,91%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,23%	1,23%	1,23%	1,23%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	20,06%	33,59%	20,11%	33,68%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	94,51%	45,85%	96,17%	60,16%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	94,06%	38,21%	94,06%	38,21%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	0,45%	7,64%	2,11%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	93,57%	0,00%	99,00%	0,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	93,57%	0,00%	99,00%	0,00%
10	Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	93,99%	0,00%	99,45%	0,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	93,99%	0,00%	99,45%	0,00%
11	Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	94,12%	0,00%	100,00%	0,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	94,12%	0,00%	100,00%	0,00%
12	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	72,37%	0,00%	85,00%	0,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	55,00%	0,00%	55,00%	0,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	17,37%	0,00%	30,00%	0,00%

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10,05%	16,40%	50,00%	50,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	<i>10,05%</i>	<i>16,40%</i>	<i>50,00%</i>	<i>50,00%</i>
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	6,73%	11,00%	31,60%	31,60%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	<i>6,73%</i>	<i>11,00%</i>	<i>31,60%</i>	<i>31,60%</i>
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	31,94%	38,00%	31,94%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	<i>38,00%</i>	<i>31,94%</i>	<i>38,00%</i>	<i>31,94%</i>
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	49,97%	0,00%	49,97%	0,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	<i>49,97%</i>	<i>0,00%</i>	<i>49,97%</i>	<i>0,00%</i>

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
2	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vàng, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
3	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, Xã Phước Hà, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
6	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Bình Thuận	Phía Đông, Xã Phan Dũng, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- + Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng tổn thất đầu tư: nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4 Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16.

8 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng năm kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi với những điều khoản yêu cầu nhà phát hành mua lại trong tương lai các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy.

Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)**

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.711.665.912	915.823.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	510.691.651.652	104.573.162.799
Các khoản tương đương tiền	1.001.002.988.761	723.479.450.556
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.001.002.988.761</i>	<i>723.479.450.556</i>
Cộng	1.513.406.306.325	828.968.437.046

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	488.655.245.726	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	488.655.245.726	-	-	-
Dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu (**)	12.000.000.000	12.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	500.655.245.726	12.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,9%/năm. Trong đó các hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ VND tại Ngân hàng TP Bank - CN Hà Nội được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(**) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			12.000.000.000			

Trong đó 1.000 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T (*)	1.189.480.000.000	-	1.189.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (*)	602.000.000.000	-	23.500.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (*)	98.451.219.512	-	207.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50.251.352.779	61.628.430.400	50.251.352.779	50.251.352.779
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả (*)	6.650.000.000	-	6.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (*) (****)	2.000.000.000	-	-	-
Cộng	1.948.832.572.291	61.628.430.400	1.476.881.352.779	50.251.352.779

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	391.400.000.000	-	265.490.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả (**)	187.100.000.000	-	-	-
Cộng	578.500.000.000	-	265.490.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****d) Đầu tư vào công ty khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công Ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (***)	154.283.460.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH	5.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Cộng	159.783.460.000	-	4.500.000.000	-

(*) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(**) Theo nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả ("Đèo Cả O&M"). Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 12.300.000 cổ phần Đèo Cả O&M qua đó Công ty nắm giữ 49,97% tỷ lệ sở hữu Đèo Cả O&M.

(***) Theo nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2022 HĐQT thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Ngày 27 tháng 02 năm 2023, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 15.428.346 cổ phần tương ứng 10% tỷ lệ sở hữu Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo hợp đồng số 01/2023/HĐCNCP/DCG-BMT.

(****) Theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1).



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	557.030.032.651	238.058.626.938
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	239.446.690.538	-
Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định	75.735.096.000	22.451.124.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng INDEC	68.616.486.948	45.963.304.247
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng Và Công nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	25.826.698.440	32.894.756.100
BQL Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận Tải	13.522.245.703	30.754.667.940
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Tỉnh Quảng Ninh	10.049.246.000	9.794.417.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	7.445.562.257	7.405.355.700
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Tuy Hòa	4.554.694.347	19.554.694.347
Công ty Cổ phần Thương mại Và Xây dựng Hoàng Long	-	25.827.127.779
Đối tượng khác	111.833.312.418	43.413.179.825
Bên liên quan	990.518.848.817	794.586.370.307
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	363.047.500.883	39.635.835.612
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	276.858.330.537	292.694.002.957
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	124.197.033.248	119.047.418.061
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	95.553.352.356	210.644.315.064
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.733.167.459	39.994.992.477
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	33.366.221.159	62.285.305.775
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	12.533.392.864	9.572.600.575
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	9.501.711.868	16.304.112.954
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	2.316.052.275	1.758.149.100
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	1.491.552.907	1.346.999.707
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	478.864.212	476.633.550
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	89.103.787	80.031.240
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	62.099.058	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	61.738.665	9.260.685
(Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	23.852.909	30.459.750
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	2.624.700	168.378.020
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	-	335.624.850
Cộng	1.547.548.881.468	1.032.644.997.245



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	892.690.887.399	342.538.514.750
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	93.145.385.451	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Đầu tư Trung Hải	78.891.453.709	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại An Bảo	58.540.760.468	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	41.975.293.894	42.321.083.436
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	41.080.628.370	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bất động sản Thành Phát	36.333.221.419	-
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên	32.085.028.360	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	32.129.218.689	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	28.760.607.722	12.149.392.825
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	8.273.562.144	51.720.019.837
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	-	12.217.732.082
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	-	26.043.035.078
Công ty Cổ phần Máy và Phụ tùng T&C	-	19.912.570.000
Công ty TNHH Nhạc Sơn	-	16.198.207.218
Đối tượng khác	441.475.727.173	161.976.474.274
Bên liên quan	110.681.312.069	126.924.880.605
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	40.853.743.708	93.437.489.117
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	34.605.068.101	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	1.332.946.437	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	210.784.168	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	191.378.167	-
Cộng	1.003.372.199.468	469.463.395.355

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	55.668.548.000	184.853.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	9.526.000.000	26.066.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	7.000.000.000	-
Nguyễn Tiến Nam	-	50.497.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THG Holdings	-	50.000.000.000
Văn Phú Thành	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn Asphalt	-	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV Nihon Vina	-	1.900.000.000
Đối tượng khác	4.142.548.000	16.290.000.000
Bên liên quan	445.125.665.923	871.031.039.969
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	401.332.155.384	587.927.164.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	16.373.510.539	14.816.979.982
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	320.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	-	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	-	55.036.895.603
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải (đến ngày 18/03/2023)	-	19.750.000.000
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	1.400.000.000
Cộng	500.794.213.923	1.055.884.539.969

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 5% đến 10,1%, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z tại Tp.HCM (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
Bên liên quan	303.385.485.018	473.507.345.905
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	303.385.485.018	374.294.114.508
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	99.213.231.397
Cộng	305.885.485.018	476.007.345.905

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10,33%/năm.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	190.075.000.602	137.141.748.313
Ký cược, ký quỹ	6.921.014.435	632.500.000
<i>Bên khác</i>	<i>6.921.014.435</i>	<i>632.500.000</i>
Phải thu khác	514.645.337.854	601.977.528.466
<i>Bên khác</i>	<i>412.562.442.908</i>	<i>472.757.282.129</i>
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Hữu Nghị - Chi Lăng	84.800.000.000	-
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Tp. Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận	80.200.000.000	-
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án	50.026.143.559	-
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Đồng Đăng - Trà Lĩnh	27.180.881.338	32.435.000.000
Nguyễn Văn Tùng	18.610.000.000	54.810.000.000
Đình Văn Chương	-	48.173.069.209
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	-	152.000.000.000
Nguyễn Minh Giang	-	115.625.100.000
Đối tượng khác	151.745.418.011	69.714.112.920
Bên liên quan	102.082.894.946	129.220.246.337
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	80.888.026.667	32.368.038.181
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (*)	11.942.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	7.353.710.683	4.447.408.220
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	981.300.374	1.621.552.096
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	541.759.963	-
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	247.912.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	49.239.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	78.945.263	27.025.861.538
Hồ Minh Hoàng	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	-	10.368.526.028
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	3.388.860.274
Cộng	711.641.352.891	739.751.776.779

(*) Theo nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận thêm 1.194.200 cổ phần, thời gian thực hiện đến hết ngày 29/01/2024.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	19.333.588.642	20.413.999.544
Bên khác	19.030.018.732	20.110.429.634
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Hồ Chí Minh	3.624.240.000	3.624.240.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.073.519.153	2.073.519.153
Công ty Cổ phần Gateway Hà Nội	2.866.435.409	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.049.495.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	3.038.140.836	5.898.985.660
Đối tượng khác	4.378.188.334	8.513.684.821
Bên liên quan	303.569.910	303.569.910
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	303.569.910
Cộng	19.333.588.642	20.413.999.544

7 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.696.421.106	-	67.126.453.183	-
Công cụ, dụng cụ	622.522.940	-	1.462.265.072	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	463.276.317.870	-	440.410.669.167	-
Cộng	544.595.261.916	-	508.999.387.422	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

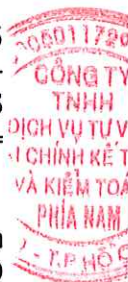
8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.063.167.357	7.994.973.975
Cộng	10.063.167.357	7.994.973.975

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.508.512.280	21.225.895.191
Cộng	33.508.512.280	21.225.895.191



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	408.737.121.980	122.046.372.310	4.483.133.521	10.730.156.169	545.996.783.980
2. Số tăng trong năm	306.089.087.735	21.565.122.759	216.018.183	1.619.676.419	329.489.905.096
Mùa trong năm	306.089.087.735	21.565.122.759	216.018.183	1.619.676.419	329.489.905.096
3. Số giảm trong năm	104.123.517.676	17.413.286.869	-	-	121.536.804.545
Thanh lý, nhượng bán	104.123.517.676	17.413.286.869	-	-	121.536.804.545
4. Số dư cuối năm	610.702.692.039	126.198.208.200	4.699.151.704	12.349.832.588	753.949.884.531
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	88.139.120.859	44.224.892.273	1.450.638.360	7.750.330.687	141.564.982.179
2. Khấu hao trong năm	61.960.629.061	17.646.469.272	711.641.030	1.390.803.672	81.709.543.035
Khấu hao trong năm	61.960.629.061	17.646.469.272	711.641.030	1.390.803.672	81.709.543.035
3. Số giảm trong năm	54.242.556.682	9.096.315.871	-	-	63.338.872.553
Thanh lý, nhượng bán	54.242.556.682	9.096.315.871	-	-	63.338.872.553
4. Số dư cuối năm	95.857.193.238	52.775.045.674	2.162.279.390	9.141.134.359	159.935.652.661
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	320.598.001.121	77.821.480.037	3.032.495.161	2.979.825.482	404.431.801.801
Tại ngày cuối năm	514.845.498.801	73.423.162.526	2.536.872.314	3.208.698.229	594.014.231.870

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 381.873.016.529 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.317.865.228 VND.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	108.585.938.609	108.585.938.609
2. Số tăng trong năm	18.753.330.020	18.753.330.020
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	127.339.268.629	127.339.268.629
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	2.127.774.841	2.127.774.841
2. Khấu hao trong năm	17.525.585.838	17.525.585.838
Tăng trong năm	17.525.585.838	17.525.585.838
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	19.653.360.679	19.653.360.679
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	106.458.163.768	106.458.163.768
Tại ngày cuối năm	107.685.907.950	107.685.907.950

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.626.200.000	1.626.200.000
2. Số tăng trong năm	2.555.500.000	2.555.500.000
Mua trong năm	2.555.500.000	2.555.500.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	<u>4.181.700.000</u>	<u>4.181.700.000</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.626.200.000	1.626.200.000
2. Khấu hao trong năm	53.897.174	53.897.174
Khấu hao trong năm	53.897.174	53.897.174
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	<u>1.680.097.174</u>	<u>1.680.097.174</u>
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u><u>2.501.602.826</u></u>	<u><u>2.501.602.826</u></u>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.626.200.000 VND.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	23.831.298.762	23.831.298.762
2. Khấu hao trong năm	-	4.012.400.140	4.012.400.140
Tăng trong năm	-	4.012.400.140	4.012.400.140
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	27.843.698.902	27.843.698.902
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	97.272.727.273	75.659.567.979	172.932.295.252
Tại ngày cuối năm	97.272.727.273	71.647.167.839	168.919.895.112

Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 168.919.895.112 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

13 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	25.737.949.297	19.482.984.480
Mua sắm TSCĐ	26.350.000	893.000.000
Cộng	25.764.299.297	20.375.984.480

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	503.358.219.717	503.358.219.717	327.909.457.439	327.909.457.439
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	63.517.062.964	63.517.062.964	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	43.067.445.079	43.067.445.079	35.789.287.291	35.789.287.291
Công ty TNHH SP4AN	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Và Thương mại Quốc Tế	28.412.312.100	28.412.312.100	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	27.611.308.037	27.611.308.037	21.421.626.980	21.421.626.980
Công ty Cổ phần Thiết bị Và Dịch vụ TCE	23.807.979.000	23.807.979.000	-	-
Wonder Synergy	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	15.147.198.200	15.147.198.200	14.559.947.400	14.559.947.400
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	15.023.520.887	15.023.520.887	13.313.986.837	13.313.986.837
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	-	-	10.179.564.382	10.179.564.382
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	4.945.438.317	4.945.438.317	15.816.201.000	15.816.201.000
Đối tượng khác	232.657.371.096	232.657.371.096	167.660.259.512	167.660.259.512
Bên liên quan	364.027.386.248	364.027.386.248	188.296.609.989	188.296.609.989
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	171.828.670.336	171.828.670.336	20.404.498.062	20.404.498.062
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	80.049.779.945	80.049.779.945	27.656.366.913	27.656.366.913
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	59.938.212.941	59.938.212.941	131.768.129.134	131.768.129.134
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	37.342.824.187	37.342.824.187	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	5.948.256.000	5.948.256.000	189.851.000	189.851.000
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	6.002.242.839	6.002.242.839	5.930.392.880	5.930.392.880
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	2.399.080.000	2.399.080.000	1.491.880.000	1.491.880.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	263.120.000	263.120.000	855.492.000	855.492.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	255.200.000	255.200.000	-	-
Cộng	867.385.605.965	867.385.605.965	516.206.067.428	516.206.067.428

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	369.991.222	1.764.017.500
Bên liên quan	3.313.044.492	4.041.735.669
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.788.989.592	2.788.989.592
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	728.691.177
Cộng	3.683.035.714	5.805.753.169

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	3.329.450.720.069	421.134.001.799
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	2.187.454.176.776	-
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	293.308.027.022	-
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh - Bộ Giao thông Vận tải	204.553.026.870	-
Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	197.337.948.317	-
Ban Quản lý Dự án 6 - Bộ Giao thông Vận tải	163.827.000.000	50.363.121.599
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Các Công trình Giao Thông	114.608.168.756	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	70.049.355.328	79.757.862.200
Ban Quản lý Dự án Giao thông Tỉnh Bình Định	56.288.923.000	140.423.923.000
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	45.558.017.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Tỉnh Cao Bằng	-	14.572.709.000
BQLDA Đầu tư XD các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	-	90.458.369.000
Bên liên quan	111.601.008.090	658.045.390.821
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	84.005.735.488	604.177.515.132
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	23.676.291.150	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.292.902.608	5.292.902.608
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1.083.029.428	6.985.678.784
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	543.049.416	543.049.416
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	41.046.244.881
Cộng	3.441.051.728.159	1.079.179.392.620

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.590.381.047	30.952.108.431	26.783.505.958	29.758.983.520
Thuế thu nhập cá nhân	983.193.367	23.541.708.774	14.903.355.614	9.621.546.527
Thuế tài nguyên	-	4.704.222.771	2.906.546.832	1.797.675.939
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	19.710.157.137	18.753.924.683	956.232.454
Cộng	26.573.574.414	78.908.197.113	63.347.333.087	42.134.438.440

b) Thuế và các khoản phải thu

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT đầu ra	14.667.336.147	25.599.805.264	1.394.581.130	38.872.560.281
Cộng	14.667.336.147	25.599.805.264	1.394.581.130	38.872.560.281

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước các dự án	45.541.299.331	50.975.764.980
Chi phí phải trả khác	1.228.636	2.881.230.118
Cộng	45.542.527.967	53.856.995.098

18 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	2.337.371.362	980.174.332
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	480.000.000
<i>Bên khác</i>	<i>150.000.000</i>	<i>330.000.000</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	254.381.388.608	165.304.938.068
<i>Bên khác</i>	<i>128.617.875.107</i>	<i>152.160.489.469</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group	49.967.800.000	49.967.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh	40.941.000.000	40.941.000.000
Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh	-	28.000.000.000
Đối tượng khác	37.709.075.107	33.251.689.469
<i>Bên liên quan</i>	<i>125.763.513.501</i>	<i>13.144.448.599</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	17.484.458.897	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	1.838.163.287	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	719.987.208	1.419.987.208
Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	501.156.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	219.747.945	11.724.461.391
Cộng	257.018.759.970	166.765.112.400

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
Bên liên quan	-	221.530.970.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả</i>	-	221.530.970.000
Nhận ký quỹ, ký cược	30.446.000.000	30.446.000.000
Bên khác	30.446.000.000	30.446.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng H.P.T</i>	30.446.000.000	30.446.000.000
Cộng	30.446.000.000	251.976.970.000

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có**19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	2.224.080.258	1.379.172.849
Cộng	2.224.080.258	1.379.172.849

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	1.379.172.849	2.758.345.698
Cộng	1.379.172.849	2.758.345.698

501172
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA H
T.P.H

TẬP Đ
OCA
OUP
313365

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Vay dài hạn đến hạn trả	Tăng	Giảm	Giá trị
Bên khác						
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	799.958.114.738		292.423.039.429	653.854.437.424	505.478.147.524	359.158.785.409
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	315.730.041.433		54.816.043.188	380.271.244.507	309.782.110.781	190.424.864.519
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	246.608.577.064		9.487.500.000	263.856.759.298	165.443.534.605	138.707.852.371
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TPHCM	13.437.594.684		13.437.594.684	226.433.619	12.758.293.827	12.531.860.208
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	9.500.000.000		-	9.500.000.000	9.440.111.491	9.440.111.491
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease	7.900.532.016		7.900.532.016	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV	7.775.696.820		7.775.696.820	-	7.775.696.820	7.775.696.820
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	278.400.000		278.400.000	-	278.400.000	278.400.000
Trái phiếu (3)	198.727.272.721		198.727.272.721	-	-	-
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000		200.000.000.000	-	-	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(1.272.727.279)		(1.272.727.279)	-	-	-
Bên liên quan	26.400.000.000		-	26.400.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000		-	26.400.000.000	-	-
Cộng	826.358.114.738		292.423.039.429	680.254.437.424	505.478.147.524	359.158.785.409



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	4.600.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	2.500.000.000.000	11 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn và bằng các tài sản khác
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	10.000.000.000	11 tháng	8,5%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	3 tháng	9,7%/năm	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Vay dài hạn đến hạn trả	Giá trị
Bên khác						
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	255.536.917.341		126.311.531.543	21.969.374.557	292.423.039.429	443.617.799.784
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	114.940.734.790		49.468.272.438	1.733.333.329	54.816.043.188	122.021.838.869
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)	37.442.676.879		13.081.026.381	-	13.437.594.684	37.799.245.182
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	33.035.000.000		-	-	-	33.035.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	32.333.500.000		41.905.000.000	84.000.000	9.487.500.000	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)	14.903.418.916		-	-	7.775.696.820	22.679.115.736
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	12.988.141.103		-	17.476.858.897	-	30.465.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	9.754.245.653		20.329.960.000	2.675.182.331	7.900.532.016	-
Trái phiếu (3)	139.200.000		-	-	278.400.000	417.600.000
Trái phiếu phát hành	-		1.527.272.724	-	198.727.272.721	197.199.999.997
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-		-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
	-		1.527.272.724	-	(1.272.727.279)	(2.800.000.003)
Cộng	255.536.917.341		126.311.531.543	21.969.374.557	292.423.039.429	443.617.799.784

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Tiên Phong	266.777.271.430	36 - 60 tháng	9,55 – 11,65%	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cho thuê Tài.Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	65.236.320.000	60 tháng	8%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	31.102.787.291	48 tháng	10,97%/năm	Ký cược
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	20.329.960.000	24 - 36 tháng	7,1 – 7,6%/năm	Ký cược
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	12% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
NH TMCP BIDV – Chi nhánh Nam Hà Nội	41.905.000.000	60 tháng	7,4 – 8,4%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà

(3) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Trái phiếu thường	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
	200.000.000.000	11,5%/năm	200.000.000.000	11,5%/năm
		3 năm		3 năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đảo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả do Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tương ứng 150% giá trị phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	3.235.055.890.000	11.820.503.474	-	444.771.626.970	3.691.648.020.444
Tăng vốn trong năm	971.461.260.000	-	-	-	971.461.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	88.576.158.051	88.576.158.051
Trích quỹ khác	-	-	4.210.358.842	(4.210.358.842)	-
Số cuối năm trước	4.206.517.150.000	11.820.503.474	4.210.358.842	529.137.426.179	4.751.685.438.495
Số đầu năm nay	4.206.517.150.000	11.820.503.474	4.210.358.842	529.137.426.179	4.751.685.438.495
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	164.305.103.630	164.305.103.630
Chia cổ tức (1)	-	-	-	(378.586.543.500)	(378.586.543.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển (2)	-	885.761.581	-	(885.761.581)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3)	-	-	-	(885.761.581)	(885.761.581)
Số cuối năm nay	4.206.517.150.000	12.706.265.055	4.210.358.842	313.084.463.147	4.536.518.237.044

(1) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 bằng tiền, với số tiền là 210.325.857.500 VND.

Theo Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐQT ngày 10/11/2023, HĐQT thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền, với số tiền là 168.260.686.000 VND.

(2) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 885.761.581 VND.

(3) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 885.761.581 VND.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.458.241.920.000	34,67%	1.658.241.920.000	39,42%
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	107.557.570.000	2,56%
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Đối tượng khác	1.547.272.830.000	36,78%	1.497.187.830.000	35,59%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	4.206.517.150.000	100,00%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	971.461.260.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	378.586.543.500	-

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	420.651.715	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ngoại tệ		
Dollar Mỹ (USD)	200,08	200,08

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.105.518.362.780	2.286.714.913.084
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.968.012.110.351	2.170.815.691.353
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.724.823.294	61.686.513.307
Doanh thu bán hàng hóa	28.289.197.352	27.160.234.104
Doanh thu bất động sản đầu tư	18.492.231.783	27.052.474.320
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	4.105.518.362.780	2.286.714.913.084

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	2.090.146.137.477	1.394.747.398.722
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.002.101.664.193	1.301.046.581.460
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.592.116.300	57.389.507.689
Doanh thu bán hàng hóa	14.762.710.179	12.649.264.853
Doanh thu bất động sản đầu tư	5.689.646.805	23.662.044.720

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn xây dựng	3.809.725.643.079	2.038.400.856.051
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	82.147.275.411	40.503.854.858
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.482.133.406	24.380.906.392
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	7.717.146.670	8.636.464.041
Cộng	3.920.072.198.566	2.111.922.081.342

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	186.425.237.608	158.437.867.229
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.675.850.000	-
Khác	228.950.314	-
Cộng	237.330.037.922	158.437.867.229

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	67.727.618.939	46.917.234.679
Lỗ từ thoái vốn công ty con	31.148.780.488	-
Chi phí phát hành trái phiếu	1.527.272.724	1.399.999.997
Khác	188.081.483	-
Cộng	100.591.753.634	48.317.234.676

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.613.031.129	4.958.315.951
Chi phí nhân viên	65.052.582.142	57.659.436.338
Chi phí khấu hao	9.930.801.270	10.362.715.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.156.180.232	53.776.574.105
Các khoản chi phí QLDN khác	11.160.149.480	48.352.216.386
Cộng	175.912.744.253	175.109.258.248

6 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý TSCĐ	11.168.325.872	-
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	24.676.429.015	-
Các khoản khác	16.989.425.390	5.751.976.285
Cộng	52.834.180.277	5.751.976.285



VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**7 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại CCDC nhượng bán, thanh lý	3.734.716.828	-
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	-	258.989.898
Các khoản khác	113.955.637	50.669.949
Cộng	3.848.672.465	309.659.847

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.060.576.815.177	1.141.286.400.661
Chi phí nhân công	490.253.658.459	250.244.133.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.301.426.187	63.724.202.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.767.450.321	680.245.497.986
Chi phí khác bằng tiền khác	96.469.107.972	64.121.930.133
Cộng	4.098.368.458.116	2.199.622.164.127

9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.457.816.764	26.670.364.434
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	31.457.816.764	26.670.364.434

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai:** Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:** Không có

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Năm trước				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	27.160.234.104	61.686.513.307	2.170.815.691.353	27.052.474.320	2.286.714.913.084
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ	27.160.234.104	61.686.513.307	2.170.815.691.353	27.052.474.320	2.286.714.913.084
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.779.327.712	21.182.658.449	132.414.835.302	18.416.010.279	174.792.831.742
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(175.109.258.248)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(316.426.506)
Doanh thu hoạt động tài chính					158.437.867.229
Chi phí tài chính					(48.317.234.676)
Thu nhập khác					5.751.976.285
Chi phí khác					(309.659.847)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(26.670.364.434)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					88.576.158.051
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					(411.614.109.717)
Tổng chi phí khấu hao					(63.724.202.044)



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm nay			Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.289.197.352	90.724.823.294	3.968.012.110.351	4.105.518.362.780
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ	28.289.197.352	90.724.823.294	3.968.012.110.351	4.105.518.362.780
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.807.063.946	8.577.547.883	158.286.467.272	185.446.164.214
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(175.912.744.253)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.533.419.961
Doanh thu hoạt động tài chính				237.330.037.922
Chi phí tài chính				(100.591.753.634)
Thu nhập khác				52.834.180.277
Chi phí khác				(3.848.672.465)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(30.952.108.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				164.305.103.630
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				(334.173.081.653)
Tổng chi phí khấu hao				(103.301.426.187)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh

	Số đầu năm			Tổng cộng VND
	Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Xây dựng VND	
Tài sản bộ phận	50.721.220.913	115.198.391.031	4.053.957.039.585	4.392.808.946.781
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.298.763.238.653
Tổng tài sản	50.721.220.913	115.198.391.031	4.053.957.039.585	7.691.572.185.434
Nợ phải trả bộ phận	34.918.219.070	79.306.502.922	2.790.882.345.910	2.939.886.746.939
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	34.918.219.070	79.306.502.922	2.790.882.345.910	2.939.886.746.939

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Số cuối năm				
	Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Xây dựng VND	Bất động sản đầu tư VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	46.190.444.038	148.134.986.690	6.478.948.096.111	168.919.895.112	6.842.193.421.950
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.505.795.731.232
Tổng tài sản	46.190.444.038	148.134.986.690	6.478.948.096.111	168.919.895.112	10.347.989.153.182
Nợ phải trả bộ phận	40.044.114.561	128.423.410.969	5.616.827.142.523	26.176.248.085	5.811.470.916.138
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	40.044.114.561	128.423.410.969	5.616.827.142.523	26.176.248.085	5.811.470.916.138



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.513.406.306.325	-	828.968.437.046	-
Phải thu khách hàng	1.547.548.881.468	-	1.032.644.997.245	-
Trả trước cho người bán	1.003.372.199.468	-	469.463.395.355	-
Các khoản phải thu khác	730.974.941.533	-	760.165.776.323	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	488.655.245.726	-	-	-
Cho vay	806.679.698.941	-	1.531.891.885.874	-
Đầu tư tài chính dài hạn	2.699.116.032.291	-	1.766.871.352.779	-
Cộng	8.789.753.305.752	-	6.390.005.844.622	-
			8.789.753.305.752	6.390.005.844.622

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho người bán	867.385.605.965	-	516.206.067.428	-	867.385.605.965	-	516.206.067.428	
Người mua trả tiền trước	3.444.734.763.873	-	1.084.985.145.789	-	3.444.734.763.873	-	1.084.985.145.789	
Vay và nợ	1.081.895.032.079	-	802.776.585.193	-	1.081.895.032.079	-	802.776.585.193	
Phải trả người lao động	38.647.606.489	-	31.408.778.070	-	38.647.606.489	-	31.408.778.070	
Cộng	5.432.663.008.406	-	2.435.376.576.480	-	5.432.663.008.406	-	2.435.376.576.480	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- *Rủi ro về giá (tiếp theo)*

+ *Rủi ro về giá bất động sản*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa

An Văn Thiệu



Khương Văn Cường

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)		2.407.333.333	2.280.000.000
1. Hội đồng quản trị		2.107.333.333	1.980.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Võ Thụy Linh	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Phan Văn Thắng	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Phùng Tiến Thành	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Văn Hải	Thành viên (đến ngày 20/06/2023)	84.500.000	180.000.000
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 20/06/2023)	127.333.333	-
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập (từ ngày 20/06/2023)	95.500.000	-
2. Ban Kiểm soát		300.000.000	300.000.000
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	180.000.000	105.000.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (đến ngày 30/11/2023)	54.833.333	1.774.194
Phạm Văn Hùng	Thành viên	60.000.000	1.774.194
Hồ Thị Hường	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)	5.166.667	-
Lê Việt Anh	Trưởng Ban (đến ngày 01/06/2022)	-	75.000.000
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	58.225.806
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	58.225.806

(*) Theo nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023 ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 theo Báo cáo số 02/2023/BC-HĐQT ngày 15/05/2023.

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):**

		Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		5.609.689.889	5.581.006.321
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	473.800.000	431.681.818
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	343.500.000	748.688.833
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	579.478.261	
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	283.659.091	770.991.550
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	103.100.000	855.937.005
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	776.100.000	709.697.371
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	776.232.494	711.367.759
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	698.100.000	471.362.761
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	633.034.783	8.554.545
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/04/2023)	386.115.261	-
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	243.220.455
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	33.072.727
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	27.618.182
An Văn Thiện	Kế toán trưởng (từ ngày 01/03/2023)	454.170.000	-
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	102.400.000	568.813.315
Tiền lương Ban kiểm soát		1.117.968.397	1.349.278.272
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	612.700.000	561.388.280
Nguyễn Chí Trung	Thành viên	332.119.047	314.971.851
Phạm Văn Hùng	Thành viên	132.649.350	105.954.546
Hồ Thị Hường	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)	40.500.000	-
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	147.102.381
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	219.861.214
Cộng		9.238.991.619	9.152.058.787

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):**- Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	141.241.772.800	367.506.640.000
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	23.172.531.300	170.348.520.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	177.959.700	10.000.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	22.493.700	72.200.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	Nhận cổ tức	76.588.200	-
Ngô Văn Quý	Thành viên HĐQT độc lập (từ ngày 20/06/2023)	Nhận cổ tức	424.000.000	-
Nguyễn Văn Hải	Thành Viên HĐQT (đến ngày 20/06/2023)	Hoàn ứng	-	100.000.000
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	Nhận cổ tức	19.575.000.000	-
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	Nhận cổ tức	33.995.700	-

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Các giao dịch khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	Nhận cổ tức	35.991.000	-
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	337.880.700	754.230.000
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	371.587.500	862.150.000
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	114.359.000	490.190.000
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	Góp vốn chủ sở hữu Tạm ứng	-	18.050.000 150.000.000
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Nhận cổ tức	20.314.755.000	-
Nguyễn Chí Trung	Thành viên Ban kiểm soát	Nhận cổ tức	27.983.700	-
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	69.480.000	208.700.000

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay Nhận cổ tức Nhận tiền góp vốn Lãi cho vay Trả nợ gốc vay Lãi đi vay	833.939.395 131.412.000 - 65.325.917.700 - 247.912.329 - -	491.471.379 525.648.000 203.200.000.000 - 138.000.000.000 3.966.597.260 743.788.093 14.671.984
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay Cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay	513.047.835.487 55.036.895.603 14.950.000.000 77.931.724.929 635.545.500	83.256.826.074 51.995.000.000 70.300.000.000 68.932.268.996 4.195.368.235
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Cho vay Thu gốc cho vay Lãi cho vay Lãi đi vay	388.806.741.232 578.500.000.000 36.604.099.517 - - - -	230.880.651.858 - 11.017.207.166 23.000.000.000 23.000.000.000 353.506.849 98.586.301

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Lãi cho vay Cho vay Thu gốc cho vay	1.767.033.472.745 125.910.000.000 37.235.951.193 2.954.243.559 111.098.824.242	502.572.518.561 69.790.000.000 31.921.474.861 210.684.074.924 22.994.631.431
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Thu gốc cho vay Lãi cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Cho vay Trả nợ gốc vay Lãi đi vay	186.595.009.000 48.519.988.486 106.834.641 - - -	120.572.835.616 43.304.724.222 189.649.449 708.500.000.000 30.000.000.000 256.438.356
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Ký quỹ ký cược Hoàn trả ký quỹ ký cược Góp vốn Lãi cho vay Cho vay Thu gốc cho vay	102.963.906.386 - - 154.283.460.000 11.516.544.971 - 109.173.245.811	599.045.188.690 25.305.290.820 36.170.215.320 - 10.079.819.662 20.950.000.000 -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	88.131.889.612 11.359.402.886	141.206.994.365 288.590.602.050
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay Thu gốc cho vay	2.906.302.463 -	2.312.000.000 1.800.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	48.590.723 97.555.732.736	8.560.062 -
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cà	Công ty con	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Cho vay Thu gốc cho vay	14.633.467.944 2.709.400.000 2.065.428 14.550.000.000 179.550.000.000	10.044.580.823 2.721.920.000 37.162.039 249.000.000.000 167.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh (đến ngày 18/03/2023)	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Cho vay	1.111.500.000 501.946.591 271.359.589 -	14.827.164.770 841.169.498 348.558.220 21.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)					
2	Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
	Công ty TNHH Đèo Cá Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Nhận cổ tức	19.591.767.000	-
	Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Nhận gốc vay	41.639.637 26.400.000.000	- -
	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Công ty liên doanh, liên kết (đến hết ngày 30/03/2022)	Lãi cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	- - -	216.986.301 677.524.755 2.363.835.112
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ	32.621.586 1.856.000.000	- -
	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và công nghiệp TLH	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh	Góp vốn	1.000.000.000	-
	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con	Góp vốn	2.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	363.047.500.883	39.635.835.612
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	276.858.330.537	292.694.002.957
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	124.197.033.248	119.047.418.061
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đồng	Cung cấp dịch vụ xây dựng	95.553.352.356	210.644.315.064
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Cung cấp dịch vụ khác	65.733.167.459	39.994.992.477
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	33.366.221.159	62.285.305.775
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	12.533.392.864	9.572.600.575
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	9.501.711.868	16.304.112.954
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.316.052.275	1.758.149.100
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn	Cung cấp dịch vụ khác	1.491.552.907	1.346.999.707
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	478.864.212	476.633.550
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đồng	Cung cấp dịch vụ khác	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Cung cấp dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

III SƠ DỮ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.103.787	80.031.240
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cung cấp dịch vụ khác	62.099.058	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cung cấp dịch vụ khác	61.738.665	9.260.685
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cung cấp dịch vụ khác	23.852.909	30.459.750
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Cung cấp dịch vụ khác	-	335.624.850
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	2.624.700	168.378.020
Cộng			990.518.848.817	794.586.370.307
b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	40.853.743.708	93.437.489.117
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	34.605.068.101	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ xây lắp	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Dịch vụ xây lắp	1.332.946.437	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ bảo vệ	210.784.168	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	191.378.167	-
Cộng			110.681.312.069	126.924.880.605

III	SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)				Số đầu năm
	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
c)	Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cho vay ngắn hạn	401.332.155.384	587.927.164.384
	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	165.000.000.000
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	27.100.000.000
	Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	16.373.510.539	14.816.979.982
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	320.000.000	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	55.036.895.603
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh đến ngày 18/03/2023	Cho vay ngắn hạn	-	19.750.000.000
	Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	1.400.000.000
	Cộng			445.125.665.923	871.031.039.969
d)	Phải thu về cho vay dài hạn				
	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Cho vay dài hạn	303.385.485.018	374.294.114.508
	Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay dài hạn	-	99.213.231.397
	Cộng			303.385.485.018	473.507.345.905

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

III SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Lãi cho vay	80.888.026.667	32.368.038.181
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Góp vốn	11.942.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	7.353.710.683	4.447.408.220
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	981.300.374	1.621.552.096
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Khác	541.759.963	-
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn	Lãi cho vay	247.912.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Lãi cho vay	78.945.263	27.025.861.538
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con	Lãi cho vay	49.239.667	-
Hồ Minh Hoàng	Cổ đồng lớn, Chủ tịch HĐQT	Khác	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con	Lãi cho vay	-	10.368.526.028
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Khác	-	3.388.860.274
Cộng			102.082.894.946	129.220.246.337
f) Các khoản phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	303.569.910
Cộng			303.569.910	303.569.910

III SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
g) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	171.828.670.336	20.404.498.062
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	80.049.779.945	27.656.366.913
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	59.938.212.941	131.768.129.134
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu Hải Thạch)	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	37.342.824.187	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	6.002.242.839	5.930.392.880
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	5.948.256.000	189.851.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.399.080.000	1.491.880.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	263.120.000	855.492.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	255.200.000	-

Cộng

364.027.386.248

188.296.609.989



III	SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)			Số cuối năm	Số đầu năm
	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	VND
h)	Người mua ứng tiền trước ngắn hạn				
	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	2.788.989.592	2.788.989.592
	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
	Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng	Dịch vụ xây lắp	-	728.691.177
		Cộng		3.313.044.492	4.041.735.669
i)	Người mua ứng tiền trước dài hạn				
	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	84.005.735.488	604.177.515.132
	Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tân Đông	Dịch vụ xây lắp	23.676.291.150	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	2.292.902.608	5.292.902.608
	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	1.083.029.428	6.985.678.784
	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	543.049.416	543.049.416
	Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh	Dịch vụ xây lắp	-	41.046.244.881
		Cộng		111.601.008.090	658.045.390.821



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
j) Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, Phạm Văn Hùng Công ty con	Khác	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh Nguyễn Hữu Hùng Công ty con	Khác Nhận ký cược, ký quỹ Lãi vay	17.484.458.897 100.000.000 1.838.163.287	- 100.000.000 -
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng Công ty con	Lãi vay	719.987.208	1.419.987.208
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con	Khác	501.156.164	-
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Khác	219.747.945	11.724.461.391
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết	Nhận ký cược, ký quỹ	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa				
Cộng			125.913.513.501	13.294.448.599
k) Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
Cộng			-	221.530.970.000

III	SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)				
	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
I)	Vay ngắn hạn				
	Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Vay ngắn hạn phải trả	26.400.000.000	-
	Cộng			26.400.000.000	-

